

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HS-PT
Ngày: 29-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 13/2020/HSPT ngày 14 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị Th do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2019/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Nguyễn Thị Th** (Thu), sinh năm 1975 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 4/12; Giới tính: nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Ch (chết) và bà Nguyễn Thị D; chồng Nguyễn Văn Đ; có 02 người con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị U (Lùn), sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 29/01/2017 (mùng 2 Tết), Nguyễn Thị Th đến nhà ông Nguyễn Văn T để chúc Tết. Tại đây, TH kể cho ông T nghe chuyện bị em chồng là ông Nguyễn Văn M đánh. Đến khoảng 10 giờ 20 phút, ông T thấy ông M điều khiển xe mô tô chở bà Nguyễn Thị U (vợ ông M) từ nhà ông Nguyễn Văn L (gần nhà ông T) đi ra lộ đê thuộc ấp L, xã Achấn xe lại hỏi vì sao đánh TH và cầm đoạn bẹ tàu lá dừa đánh ông M. Nghe tiếng la, TH từ trong nhà ông T đi ra nhìn

thấy ông M và bà U nên nhặt cục đá bê tông chọi trúng mặt của bà U gây thương tích.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 đoạn bẹ tàu lá dừa dài 60cm, rộng nhất 04cm, hẹp nhất 03cm. Hung khí là cục đá TH dùng gây thương tích cho bà U không thu hồi được. Quá trình điều tra Công an huyện M thu giữ 05 cục đá xanh, 07 cục đá bê tông; 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu bằng nhựa cứng, màu trắng, nặng 55 gam chiều dài trước sau 45cm, ngang 21cm có quai bằng vải màu đen nối nhau bằng khóa nhựa màu đen, mặt trước có logo và chữ VNPT của bà Nguyễn Thị U.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 57-0217/TgT ngày 03/3/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre xác định: Nguyễn Thị U bị sung nề bầm máu gò má phải, lan xuống cổ phải, hiện vết bầm máu, vùng da phía trên ngoài gò má phải khuyết vào trong, xơ chai dính vào xương gò má phải sẫm màu kích thước 02cm x 02cm có ảnh hưởng đến thẩm mỹ, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 11%.

Do không đồng ý với kết luận giám định nói trên, Nguyễn Thị Th có đơn yêu cầu giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị U. Tại Bản kết luận số 1642/C54B ngày 31/5/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận Nguyễn Thị U có tỷ lệ thương tật là 11%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 122/19/TgT ngày 02/8/2019 của Phân viện pháp y quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Khi cầm đá đánh trực tiếp hay chọi với khoảng cách 3,5m đều có thể gây ra được thương tích vùng gò má phải của bà Nguyễn Thị U.

Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị U yêu cầu Nguyễn Thị Th bồi thường tiền điều trị thương tích 4.601.280 đồng; tiền xe đi lại, ăn uống 3.600.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 30.000.000 đồng; tiền thẩm mỹ 15.000.000 đồng. Nguyễn Văn M yêu cầu Nguyễn Thị Th bồi thường tiền công lao động bị mất do chăm sóc bà U lúc điều trị thương tích mỗi ngày là 300.000 đồng với số tiền 18.600.000 đồng. Tuy nhiên, Nguyễn Thị Th chỉ đồng ý bồi thường 37.201.280 đồng gồm: tiền điều trị thương tích 4.601.280 đồng; tiền xe đi lại, ăn uống 3.600.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm hại 10.000.000 đồng; tiền thẩm mỹ làm mất sẹo 10.000.000 đồng; tiền công lao động bị mất của Nguyễn Văn M là 9.000.000 đồng. Nguyễn Thị Th đã giao nộp số 27.201.280 đồng để bồi thường nhưng bà U không nhận nên đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M để đảm bảo thi hành án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2019/HS-ST ngày 28-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện M, đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Th phạm “Tội cố ý gây thương tích”; Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình

sự; Điều 590 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị U tổng số tiền 66.201.280 đồng gồm: Tiền điều trị thương tích 4.601.280 đồng; tiền đi lại, ăn uống 3.600.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 30.000.000 đồng; tiền thẩm mỹ 10.000.000 đồng; tiền công lao động lúc điều trị thương tích là 18.000.000 đồng. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành đối với tiền phải bồi thường, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/12/2019 bị cáo Nguyễn Thị Th kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo và xem xét lại tiền bồi thường tổn thất tinh thần.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo. Bị cáo khai nhận hành vi phù hợp nội dung bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Về thủ tục tố tụng đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Th phạm “Tội cố ý gây thương tích” là có căn cứ đúng người, đúng tội và xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 09 (chín) tháng tù. Xét bị cáo không phạm vào tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” do bị cáo sai lầm khách thể. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ có chú là liệt sĩ; có con bị bệnh; không tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mà ấn định thời gian thử thách cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo. Về bồi thường tổn thất tinh thần, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bồi thường 30.000.000 đồng là cao so với tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại, nên giảm một phần cho bị cáo, buộc bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần là 7.000.000 đồng. Do vậy, chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa bản án sơ thẩm. Đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm số 40/2019/HS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 09 (chín) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo bồi thường phần tổn thất tinh thần cho bị hại 7.000.000 đồng. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường là 43.201.280 đồng.

Bị cáo không tranh luận;

Bị hại tranh luận: không đồng ý cho bị cáo hưởng án treo và không đồng ý giảm bồi thường tổn thất tinh thần.

Lời nói sau cùng, bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Khoảng 08 giờ ngày 29/01/2017,

Nguyễn Thị Th đã có hành vi dùng cục đá bê tông ném trúng mặt của bị hại Nguyễn Thị U gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 11%. Bị hại không có lỗi, bị cáo lại dùng vật có tính nguy hiểm để ném gây thương tích cho bị hại. Với ý thức, hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Th phạm “Tội cố ý gây thương tích” là có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên có quan điểm cho rằng bị cáo TH không phạm vào tình tiết “Có tính chất côn đồ”: thấy rằng qua lời khai của người làm chứng và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày về vị trí khi bị cáo thực hiện hành vi là bà U ngồi sau xe, sau lưng ông M, một chân bị hại chống xuống đất một chân còn trên xe, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với ảnh chụp số 39, 44, 45 của bản ảnh 663 khi thực nghiệm điều tra. Như vậy, ông M có bị che khuất một phần cơ thể do bị hại ngồi sau xe. Bị cáo cho rằng chọi đại và bị cáo thực hiện hành vi từ phía sau, xét theo thứ tự vị trí, bị cáo đến bà U rồi đến ông M thì khả năng bà U không bị thương tích thì không bị loại trừ. Theo lời khai của bị cáo tại các bút lục, BL 330/ *“Tôi biết là có thể gây nguy hiểm cho U, trúng U nhưng do tức giận muốn gây thương tích cho M dù biết vậy nhưng tôi vẫn chọi”* và BL 338/ *“theo hướng tôi nhìn lại thì tôi rồi đến U, U rồi đến M, U cách M khoảng 20-30cm tôi biết là sẽ gây nguy hiểm có thể trúng gây thương tích cho U nhưng vì tức giận M nên tôi muốn gây thương tích cho M, nên tôi vẫn chọi dù biết gây thương tích cho U”*. Thể hiện bị cáo có ý thức cố ý thực hiện hành vi mặc dù biết trước sẽ nguy hiểm cho bà U. Hậu quả từ hành vi của bị cáo làm bà U bị thương tích, hậu quả xảy ra đúng theo dự đoán của bị cáo, trong khi giữa bị cáo và bà U không mâu thuẫn gì. Nên tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm vào hai tình tiết định khung “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ” thuộc trường hợp được quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự và với tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại do bị cáo đã gây ra nên bị cáo bị xét xử theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng quy định pháp luật. Quan điểm của Kiểm sát viên cho rằng bị cáo TH không phạm vào tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” là không phù hợp.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng, khi áp dụng hình phạt tù Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lần đầu phạm tội, bị cáo có chú ruột là liệt sĩ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo 09 tháng tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt của điều luật mà bị cáo bị truy tố. Tại phiên tòa phúc thẩm, theo kháng cáo bị cáo cho rằng bị cáo phạm tội lần đầu, có chú ruột là liệt sĩ, tự nguyện nộp 27 triệu đồng để bồi thường thiệt hại, có con còn nhỏ bị bệnh tim bẩm sinh, hoàn cảnh

kinh tế gia đình đặc biệt khó khăn. Xét các tình tiết bị cáo đưa ra trong đó có các tình tiết đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo, các tình tiết còn lại thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo phạm vào tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp luật định, tại phiên tòa phúc thẩm bị hại không đồng ý cho bị cáo hưởng án treo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt tù cho bị cáo nên không chấp nhận yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đối với yêu cầu xem xét lại phần bồi thường tổn thất tinh thần, thấy rằng tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại 11% là ở mức khởi điểm của điều luật quy định và do có ảnh hưởng đến thẩm mỹ. Cấp sơ thẩm buộc bồi thường 30.000.000 đồng là cao nên cần giảm một phần cho bị cáo, buộc bị cáo bồi thường là 20.000.000 đồng. Như vậy tổng cộng bị cáo phải bồi thường là 56.201.280 đồng (Gồm: Chi phí điều trị thương tích 4.601.280 đồng; tiền đi lại, ăn uống 3.600.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 20.000.000 đồng; tiền thẩm mỹ 10.000.000 đồng; tiền ngày công lao động lúc điều trị thương tích là 18.000.000 đồng)

[3] Về án phí, bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần. Do thay đổi bồi thường nên điều chỉnh án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo về trách nhiệm dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Th phạm “Tội cố ý gây thương tích”;

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Th** (Thu) 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 590 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Th bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị U số tiền 56.201.280 (Năm mươi sáu triệu hai trăm lẻ một ngàn hai trăm tám mươi) đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thị Th không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Án phí dân

sự sơ thẩm Nguyễn Thị Th phải nộp là 2.810.000 (Hai triệu tám trăm mười ngàn) đồng, tính chẵn.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về lãi suất chậm thi hành đối với tiền bồi thường, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện M (3b);
- Công an và VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã T, huyện M (1b);
- Bị cáo, bị hại (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh